

目から鱗!これがニッポンの当たり前？

Mở mang tầm mắt! Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

いつでもどこでもアナウンス

Thông báo ở bất cứ đâu bất cứ nơi nào

皆さん、駅のホームや電車の中、デパートなど日本ではいつも何か「アナウンス」が流れていますね？緊急事態でもないのに、いつもアナウンスが流れているのはなぜなのでしょう。

2020年度の電車利用者数は、約177億人と言われるほど、日本人にとって電車は、とても身近な乗り物です。時間帯によっては、大勢の人が電車や駅構内を利用することもあり、駅は不特定多数の人が居合わせる公共の場です。そのため、多くの人が気持ちよく過ごせるように駅や電車でのマナーが繰り返しアナウンスされているのです。

Các bạn có thấy ở Nhật như ga tàu, trong tàu, hay khu mua sắm đều có cái gì đó được “thông báo” không ạ? Dù không phải tình trạng khẩn cấp nhưng lúc nào cũng phát thông báo là vì sao nhỉ?

Số người sử dụng tàu điện ở Nhật trong năm 2020 được cho là lên tới 17,7 tỷ người, tàu điện đối với người Nhật là phương tiện giao thông rất quen thuộc. Tuy theo khoảng thời gian mà số lượng rất đông người sử dụng tàu điện và khu vực trong nhà ga, nhà ga là nơi công cộng được sử dụng bởi rất nhiều người không phân biệt đặc tính. Chính vì vậy, để mọi người cùng sử dụng được thoải mái tiện lợi thì thông báo về cách ứng xử trong nhà ga và tàu điện thường được phát đi phát lại.

皆さんも駅や電車で流れるアナウンスに耳を傾けてみてください。

Các bạn cũng vậy hãy nghe thử thông báo được phát ở ga hay trong tàu điện nhé.

今回は、誰もが快適に過ごせるように、電車内と駅構内でのマナーについて確認しましょう。

Lần này, để ai cũng có thể sử dụng ga tàu thoải mái dễ chịu, chúng ta cùng xem lại những ứng xử trong ga tàu nhé.

【電車内編】Trong tàu điện

座り方のマナー Ứng xử trong cách ngồi

- ・足を広げない ・Không giang rộng chân
- ・足を前に出さない ・Không duỗi chân ra phía trước
- ・床に座らない ・Không ngồi xuống sàn
- ・寝転ばない ・Không ngủ nằm ra
- ・席を占領しない ・Không chiếm hữu chỗ ngồi

荷物の持ち方のマナー Ứng xử trong việc cầm đồ

- ・通路に置かない ・Không đặt đồ dưới lối đi
- ・座席に置かない ・Không đặt trên ghế ngồi
- ・前に抱えるように持つ ・Nên cầm ôm đồ phía trước

電車内の過ごし方のマナー Ứng xử trong tàu điện

- ・通話しない ・Không gọi, nghe điện thoại
- ・携帯は、マナーモードにする ・Để điện thoại chế độ im lặng
- ・電子機器の音量に注意する ・Chú ý âm thanh phát ra nếu dùng đồ điện tử
- ・大声を出さない、騒がない ・Không nói to gây ồn
- ・ゴミを捨てない ・Không bỏ rác trong tàu
- ・飲食、飲酒は控える ・Hạn chế việc ăn, uống rượu

★重要ポイント

Điểm chú ý quan trọng

日本では、お年寄りの方・妊婦の方・障害をお持ちの方に席を譲る文化があります。そのため、電車内には、“優先席のマーク”が表示されており、優先席では対象の方に席を譲ります。

これも日本の文化なので、“マーク”の意味を知っておき、優先席以外でも積極的に席を譲るようにしましょう。

Ở Nhật, có văn hoá nhường chỗ ngồi cho người già, phụ nữ mang bầu hay người khuyết tật. Chính vì vậy mà trong tàu điện có những nơi dán biển “khu vực ưu tiên”, tại đây ta sẽ nhường chỗ cho các đối tượng được ưu tiên đó. Đây cũng là văn hoá của Nhật nên khi biết ý nghĩa của các dán trên tàu chúng ta dù ngồi ở nơi không phải ghế ưu tiên cũng hãy tích cực nhường cho các đối tượng ưu tiên nhé.

- ・お年寄りの方 Người già
- ・体の不自由な方 Người cơ thể khuyết tật
- ・内部障害がある方 Người khuyết tật bên trong
- ・乳幼児をお連れの方 Người đi cùng trẻ nhỏ
- ・妊娠している方 Người mang bầu

とくに、マタニティマークとヘルプマークをかばんに身に着けた方を見かけたら、席を譲ってあげましょう！

Ngoài ra, đặc biệt nếu các bạn thấy có người đeo trên túi xách người mang bầu hay người cần giúp đỡ thì cũng hãy nhường ghế cho họ nhé.

【駅構内編】

Phần trong khu vực nhà ga

駅ホームでのマナー Ứng xử trong nhà ga

- ・黄色い線の内側で並んで待つ ・Đứng đợi phía trong vạch kẻ vàng
- ・人が降りてから乗る ・Để người xuống tàu rồi mình lên
- ・駆け込み乗車しない ・Không chạy để lên kịp tàu
- ・歩きスマホをしない ・Không vừa đi vừa nhìn điện thoại

エスカレーターでのマナー Ứng xử khi dùng thang máy cuốn

- ・駆け上がらない、駆け下りたりしない Không chạy lên hay chạy xuống
- ・片方に寄って立つ(地域により、左と右に分かれています)

Đứng gọn vào một bên (tùy địa phương mà đứng bên phải hoặc trái)

エレベーターでのマナー Ứng xử khi dùng thang máy

- ・並んで待つ ・Đứng xếp hàng đợi
- ・車いすやベビーカーを優先する
- ・Ưu tiên người dùng xe lăn và xe đẩy em bé

★重要ポイント

Điểm chú ý quan trọng

日本では、困っているお年寄りの方・車いすの方・ベビーカーの方をお手伝いする文化があります。

車いすやベビーカーの方がエレベーターに乗り降りする際は、“開”ボタンを押してあげる。階段で困っているお年寄りの方やベビーカーの方を見つけたら、荷物やベビーカーを持ってあげるなど、積極的にお手伝いしてみましょう。

Ở Nhật có văn hoá hay giúp đỡ người già, người đi xe lăn hay người đẩy xe em bé. Khi có người dùng xe lăn, đẩy xe em bé lên xuống thang máy thì bạn hãy bấm nút “mở” thang máy cho họ nhé. Nếu thấy người già hay người đẩy xe em bé đang gặp khó khăn ở cầu thang bộ thì bạn hãy thử hỏi để tích cực giúp người ta nâng đồ hay đưa xe em bé lên nhé.

今回は、電車内と駅構内のマナーを紹介しました。

日本では電車や駅構内だけでなく、お店や街の中でも「マナー」についてのアナウンスが流れていることがあります。

Lần này, tôi đã giới thiệu với các bạn về các ứng xử trong nhà ga và tàu điện.

Ở Nhật không chỉ trong khu vực nhà ga, tàu điện mà trong các khu phố, cửa hàng cũng sẽ có “thông báo” phát thanh về “ứng xử”.

どんなアナウンスが流れているのか、耳を傾け、日本人が大切にしているマナーについて知る機会にしてください！

Bạn hãy lắng nghe xem thông báo nào đang được phát thanh để biết thêm về những ứng xử quan trọng của người Nhật nhé.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

「報連相(報告・連絡・相談)」のポイントをおさえよう！

Nắm bắt những điểm chính của “Hourensou (Báo cáo, Liên lạc, Trao đổi)”

「報連相」は、円滑な業務遂行や職場環境の活性化のために、必要不可欠なものです。

「報連相」が適切にできていないと、社内や顧客に迷惑をかけてしまったり、業務効率の悪化に繋がったりします。

そこで今回は、「報連相」の意味・ポイント・重要性を紹介します。

“Hourensou” là điều không thể thiếu được để tạo nên một môi trường làm việc tích cực, và công việc sẽ diễn ra suôn sẻ. Nếu không thực hiện tốt được “Hourensou” sẽ gây ra nhiều vấn đề trong công ty và với khách hàng, cũng dẫn tới việc làm cho hiệu quả công việc kém đi.

Vì vậy trong bản tin tháng này chúng tôi xin giới thiệu các bạn ý nghĩa, điểm chú ý và tầm quan trọng của “Hourensou”.

「報連相」とは？ “Hourensou” là gì?

報告 Báo cáo

仕事の経過・結果や業務で起こった重要な出来事を仕事の依頼者や管理者に知らせること

Là việc báo cáo cho người giao việc và người quản lý về quá trình thực hiện công việc và kết quả công việc cũng như những điều quan trọng đã xảy ra trong công việc.

連絡 Liên lạc

必要な情報を関係者(上司・部下・同僚など)に伝えること

Là việc truyền đạt những thông tin quan trọng tới những người liên quan trong công việc (như cấp trên, cấp dưới, hay đồng nghiệp)

相談 Trao đổi

仕事の進め方が分からないときや判断に迷ったときに上司や先輩などにアドバイスや意見を求めること

Là việc hỏi ý kiến, lời khuyên của cấp trên hoặc Senpai khi không hiểu cách thực hiện công việc hay khi không biết quyết định thế nào.

「報連相」のポイント Điểm chú ý trong “Hourensou”

ポイント①「報連相」をする前に5W1Hでポイントを確認

Điểm chú ý ① trước khi làm “Hourensou” là xác nhận qua 5W1H

Why(目的・理由) Vì sao (mục đích và lý do)

When(いつ) Khi nào

Where(どこで) Ở đâu

Who(誰が) Ai

What(何を) Cái gì

How(どうした) Như thế nào, bằng cách nào

ポイント②相手の立場になって「報連相」をする

Điểm chú ý ② đặt mình vào vị trí của đối phương để thực hiện “Hourensou”

時間 Thời gian

『今、話しかけて大丈夫なのか？』

“Bây giờ em nói chuyện có được không ạ?”

場所 Địa điểm

『この場所で、話しかけて大丈夫なのか？』

“Em có thể nói chuyện ở đây được không?”

状況 Tình hình

『この状況で、話しかけて大丈夫なのか？』

“Trong tình hình này, em có nói chuyện được không?”

ポイントを踏まえ、例文を確認しましょう。Nắm được các chú ý rồi, bạn hãy xem hội thoại mẫu sau

報告 Báo cáo

私 『〇〇さん、今、よろしいですか？』 Tôi: “〇〇san, bây giờ được không ạ?”

上司『大丈夫ですよ。』 Cấp trên: “Không sao cả”

私 『すみません。仕事でミスをして、不良品を出してしまいました。』

Tôi: “Em xin lỗi. Em làm sai việc và làm ra sản phẩm lỗi mất rồi ạ”

連絡 Liên lạc

私 『〇〇さん、今お時間はよろしいですか？』 Tôi: “〇〇san, bây giờ có chút thời gian không ạ?”

先輩『大丈夫ですよ。』 Senpai: “Không sao cả”

私 『明日は7時に出社するよう、社長から指示がありました。』 Tôi: “Giám đốc có chỉ thị là ngày mai 7 giờ hãy tới công ty”

相談 Trao đổi

私 『〇〇さん、今、よろしいですか？』 Tôi: “san, bây giờ được không ạ?”

上司『大丈夫ですよ。』 Cấp trên: “Không sao cả”

私 『仕事の仕方が分からないので、教えてください。』 Tôi: “Em không hiểu cách làm việc, hãy dạy cho em với”

「報連相」の重要性: 報連相が遅かったり、なかったりすると、どうなる？

Chúng ta cùng xem xét ví dụ về việc không thực hiện “Hourensou” khi xảy ra vấn đề.

小さな問題→報告が早い→対策が早い→小さな問題で収まる

Vấn đề nhỏ báo cáo nhanh→xử lý nhanh→chỉ là vấn đề nhỏ

小さな問題→報告が遅い→対策が遅れる→大きな問題に変わる

Vấn đề nhỏ→báo cáo chậm→xử lý chậm→trở thành vấn đề lớn

このように「報連相」が遅れたり、なかったりすることにより、小さな問題で済んだことが大きな問題に変わってしまうのです。事故・トラブル・失敗などの問題や損失が大きくなる前にしっかり「報連相」をしましょう。

Việc “Horensou” thực hiện chậm như trên hay không được thực hiện thì chỉ từ việc nhỏ nhưng có thể biến thành vấn đề lớn. Vậy trước khi để thiệt hại và vấn đề do tai nạn, rắc rối hay sai sót trở nên nghiêm trọng thì bạn hãy thực hiện “Hourensou” sớm nhé.

トラブル事例 Ví dụ về các vấn đề rắc rối

「報連相」がなかったときのトラブル事例で確認してみましょう。

Chúng ta cùng xem xét ví dụ về việc không thực hiện “Hourensou” khi xảy ra vấn đề.

Aさんは建築会社に勤める実習生です。ある日、住宅の改修工事をしているとき、誤って工具を床に落とし、小さな傷をつけてしまいました。けれどもAさんはそのことを誰にも報告しませんでした。

Bạn A là TTS tại công ty xây dựng. Một ngày kia, khi đang thực hiện công việc sửa chữa nhà ở cho khách hàng, bạn đã không may rớt đồ nghề xuống sàn nhà và gây ra một vết xước nhỏ. Nhưng bạn A đã không báo cáo với ai cả.

翌日、お客様から社長に『床に傷があります。あなたの会社の人がつけましたか？』と電話がありました。社長はAさんに『あなたですか？』と聞いたところ、Aさんは『違います』と答えたので、お客様に『私たちではないです。』と伝えました。

Ngày hôm sau, chủ nhà gọi điện hỏi giám đốc “Dưới nền nhà có vết xước. Có phải người công ty anh làm không?” Giám đốc hỏi bạn A “có phải em không?” và vì bạn A trả lời “không phải” do bạn ấy, nên ông giám đốc trả lời khách hàng là “không phải chúng tôi”

お客様が、『では、確かめに来てください。』と言ったので、社長とAさんは現場に行き、お客様と一緒に傷跡を確認しました。そのときもAさんは『私は知りません。』と言いました。

Khách hàng nói “vậy, hãy qua để xác nhận” nên giám đốc và bạn A đến hiện trường, và cùng khách hàng kiểm tra nơi vết xước. Lúc đó bạn A vẫn nói là “tôi không biết”.

それを聞いてお客様は『あなた達は嘘をついていますね。もう信用できません。私の家に二度と入らないでください。』と激怒しました。

Khi nghe vậy, khách hàng rất tức giận và nói “Các anh đã nói dối. Tôi không còn tin tưởng các anh nữa. Các anh không được phép vào làm nhà này lần nữa”

【結果 Kết quả là】

・会社は、お客様を失う

Công ty bị mất khách hàng

・Aさんは、会社から信頼がなくなる

Bạn A mất đi sự tin tưởng từ công ty

・Aさんは、仕事を任せてもらえなくなる

Bạn A không được giao việc cho nữa

「報連相」の意味・ポイント・重要性は、理解できましたでしょうか？

一回の「報連相」で状況は大きく変わります。日頃から心がけて、「報連相」をしましょう。

Các bạn đã hiểu được ý nghĩa, điểm chú ý và những điều quan trọng của “Hourensou” chưa ạ?

Chỉ một lần “Hourensou” mà làm thay đổi rất lớn tình hình. Hàng ngày cũng vậy, các bạn hãy chú ý thực hiện “Hourensou” nhé.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

安全管理と5S

Quản lý an toàn với 5S

1. 5Sとは何か？ 5S là gì?

5Sとは、整理(Seiri)、整頓(Seiton)、清掃(Seisou)、清潔(Seiketsu)、躰(Shitsuke)の5つの言葉の頭文字のSをとったもので、安全で効率的な職場をつくるためのスローガンです。

5Sを徹底することで、「安全」、「効率的」、「快適」な職場をつくることができます。

5S được lấy từ 5 chữ cái đầu S của Seiri (Sàng lọc), Seiton (Sắp xếp), Seisou (Sạch sẽ), Seiketsu (Săn sóc) và Sitsuke (Sẵn sàng), là khẩu hiệu để tạo nên nơi làm việc an toàn, hiệu quả. Thực hiện triệt để 5S sẽ tạo được nơi làm việc “an toàn”, “hiệu quả” và “thoải mái”.

2. 5Sが乱れている現場は事故が多い！

Công trường làm 5S lộn xộn thường nhiều tai nạn !

・「整理」「整頓」ができていない職場

⇒モノが散乱しているため、つまずいたりひっかかったりして、転倒・転落などの事故が起きます。

・「清掃」がされていない職場

⇒床・階段などにある水や油で滑って転倒する事故が起きます。

・「躰」が定着していない職場

⇒ルールを守らない従業員が多く、「作業手順を守らない」ことや「保護具や作業着をきちんと着用しない」ことが事故の原因になります。

Công xưởng không thực hiện tốt “sàng lọc” “sắp xếp” dẫn tới việc

⇒ đồ đạc dụng cụ để lộn xộn, khi bị vướng hay vấp phải có thể xảy ra tai nạn như trượt, rơi ngã.

- Công xưởng không được lau quét “sạch sẽ” dẫn tới

⇒ có thể bị trơn và trượt ngã do nước hay mỡ dầu bám trên sàn nhà xưởng hay bậc thang.

- Công xưởng nơi chưa đạt được “sẵn sàng” kỷ luật sẽ dẫn tới việc

⇒ nhiều công nhân viên không tuân thủ nguyên tắc, “không tuân thủ thứ tự thao tác công việc” hay “không mặc đúng cách đồ bảo hộ lao động và trang phục lao động” có thể là nguyên nhân xảy ra tai nạn.

3. 安全な職場をつくるために

Để tạo nên nơi làm việc an toàn

使わないモノは片付け、必要なモノは取りやすく並べてください(整理・整頓)。

定期的に職場や工具を清掃し、異常があれば指導員に報告してください(清掃)。

いつも職場を「きれい」な状態に保ってください(清潔)。

これらを行う前提として、作業手順や保護具着用などの職場のルールを守ることが、安全に作業をするために最も大切です(躰)。

Hãy cất dọn những đồ không dùng tới, và với đồ cần thiết thì xếp đặt để dễ lấy (sàng lọc, sắp xếp)

Định kỳ lau dọn nơi làm việc, lau chùi dụng cụ, và báo người hướng dẫn ngay nếu có nơi bất thường (sạch sẽ)

Luôn giữ nơi làm việc “gọn sạch” (sẵn sàng)

Coi như chúng ta thực hiện tất cả những điều trên, thì từ việc luôn tuân thủ nguyên tắc quy định về thao tác công việc, hay mặc đồ bảo hộ là những điều quan trọng nhất để có một nơi làm việc an toàn (sẵn sàng)

4. 毎日5Sを実行してください

Hãy thực hiện 5S hàng ngày

5Sは、業務をするときだけでなく日常生活でも役立ちます。自分の部屋や家を整理、整頓、清掃してみてください。きっと気持ちの良い毎日が送れます。

毎日5Sを実行することで、ルールを守る意識が高まるとともにモノを大切に扱うようになり、事故やトラブルも減ります。

5S không chỉ thực hiện như nhiệm vụ công việc mà nó còn có ích cho ngay cuộc sống hàng ngày. Các bạn hãy thử sàng lọc, sắp xếp, lau dọn phòng và nhà ở của mình xem. Chắc chắn các bạn sẽ có cảm giác rất dễ chịu hàng ngày.

Hàng ngày từ việc thực hiện 5S, bạn sẽ nâng cao được ý thức tuân thủ nguyên tắc, và sử dụng đồ đạc dụng cụ cẩn thận, những điều này sẽ làm giảm đi tai nạn cũng như giảm các vấn đề phát sinh.

実習生の皆さんへ Gửi bạn TTS

仕事や日常生活で毎日5Sを実行してください。安全で快適な日々が過ごせます。

Trong công việc và cuộc sống hàng ngày các bạn hãy thực hiện 5S nhé. Các bạn sẽ được trải qua những ngày tháng vừa an toàn vừa thư thái.